

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN SƠN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **220/2020/HNGĐ-ST.**

Ngày 30/7/2020

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ninh và Bà Đặng Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn tham gia phiên tòa: ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 375/2019/TLST- HNGĐ ngày 05/12/2019, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐ- HPT ngày 15/7/2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* chị Đỗ Thị Th – sinh năm 1982

* *Bị đơn:* anh Ngô Văn D – sinh năm 1983

Cùng trú tại: thôn N, xã Tr, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị kết hôn với anh Ngô Văn D vào ngày 16/01/2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện Y. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại thôn N, xã Tr, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận. Tuy nhiên từ năm 2013 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu

thuần là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh D thường xuyên chơi bời, không quan tâm đến vợ con, nhiều lần đánh đập chị. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng chị sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Chị mở quán làm nghề may mặc, anh D về sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn Nà Quang, xã Trung Sơn nhưng thường xuyên đi vắng khỏi địa phương. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: chị và anh D có 02 con chung là cháu Ngô Hoàng M, sinh ngày 11/4/2009 và cháu Ngô Mai L, sinh ngày 28/6/2013. Từ khi anh chị sống ly thân, cả hai cháu do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai chung: chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Về công nợ chung: không có.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, chị Th giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D trốn tránh, giấu địa chỉ, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Th, xử cho chị Đỗ Thị Th được ly hôn với anh Ngô Văn D. Về con chung: giao cháu Ngô Hoàng M, sinh ngày 11/4/2009 và cháu Ngô Mai L, sinh ngày 28/6/2013 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị Th và anh D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định anh Ngô Văn D đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã Trung Sơn, huyện Yên Sơn. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn.

[3] Anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Th, HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với anh Ngô Văn D: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xác định: chị Th và anh D kết hôn vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chúng sống hạnh phúc. Khoảng từ đầu năm 2018 đến nay, chị Th và anh D không chung sống cùng nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn sống ly thân chính quyền địa phương không nắm được. Lời khai của người làm chứng Ngô Văn Ch (bố đẻ anh D); bà Đỗ Thị Th (hàng xóm liền kề) đều xác định chị Th và anh D đã sống ly thân từ lâu, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Bản thân chị Th xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh D không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh D cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Th là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Đối với yêu cầu được giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: chị Th và anh D có 02 con chung là cháu Ngô Hoàng M, sinh ngày 11/4/2009 và cháu Ngô Mai L, sinh ngày 28/6/2013. Từ khi sống ly thân (năm 2018) đến nay cả hai cháu đều sống cùng chị Th, hiện tại chị Th đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D giấu địa chỉ, không rõ nghề nghiệp, mức Th nhập và không có văn bản trình bày nguyện vọng nuôi con. Chị Th hiện đang làm nghề may mặc, mức Th nhập từ trung bình từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ/1 tháng, có nguyện vọng được nuôi con. Bản thân cháu Mai và cháu Loan đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương có ý kiến nên giao cả hai cháu cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy yêu cầu được quyền nuôi con của chị Th là có căn cứ cần được chấp nhận. Do chị Th không yêu cầu cấp dưỡng

nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, đất đai chung: chị Th không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về công nợ chung: không có.

[6] Về án phí: Chị Th phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh D không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Th về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Ngô Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đỗ Thị Th được ly hôn anh Ngô Văn D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Hoàng M, sinh ngày 11/4/2009 và cháu Ngô Mai L, sinh ngày 28/6/2013 cho chị Đỗ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Ngô Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Đỗ Thị Th phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai Th tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001404 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Anh Ngô Văn D không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Tr (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

Nguyễn Văn Toàn

